

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 8 - 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Trung

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Quốc Tững- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị H**, sinh năm 1994; địa chỉ: **Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.**

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Nghĩa E**, sinh năm 1992; địa chỉ: **ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Hồ Thị H** trình bày:* Chị và anh **Nguyễn Văn N** Em tự tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức làm đám cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận** ngày 13/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, anh chị có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hồ Duy K**, sinh ngày 16/02/2014 và **Nguyễn Hồ Thảo V**, sinh ngày 26/11/2015. Tuy nhiên những năm gần đây, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, nguyên

nhân do anh Em không chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên dùng bạo lực và đe dọa bạo lực gia đình, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên chị và anh Em sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Em không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Em. Về con chung, chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **K**, còn anh Em chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **V**, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị cho rằng quá trình chung sống chị và anh Em không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Nghĩa E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị **H**, anh Em nhưng anh, chị vắng mặt tại phiên tòa, riêng chị **H** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh Em chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận ngày 13/11/2014, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **H**, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng kể từ năm 2019 cho đến nay, giữa chị và anh Em thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, khiến cho hôn nhân rạn nứt, anh chị sống ly thân. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị **H** về việc cho chị ly hôn với anh Em.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ Duy K, sinh ngày 16/02/2014 và Nguyễn Hồ Thảo V, sinh ngày 26/11/2015. Từ khi anh, chị sống ly thân năm 2019, cháu **K** sống với mẹ, cháu **V** sống với cha, anh chị vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho các con nên theo nguyện vọng của các con, xét nên giao cháu **K** cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu **V** cho anh Em trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các bên được quyền trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên bên kia trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** và anh Em không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** cho rằng quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Em không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị **H** yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **H** phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Hồ Thị H** ly hôn với anh **Nguyễn Văn N** Em.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Hồ Duy K**, sinh ngày 16/02/2014 cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu **Nguyễn Hồ Thảo V**, sinh ngày 26/11/2015 cho anh Em trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Các bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên bên kia trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** và anh Em không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.
5. Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **H** đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001208 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị **H** đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Tân Tiến;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai